

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành  
Công trình: Xây dựng hoa đèn Led gắn trên trụ điện tuyến từ tràn Trà Bu đến  
giáp QL 19 mới và tuyến vành đai từ Cây xăng Đệ Nhất giáp ĐT 640**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Căn cứ Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Xây dựng hoa đèn led gắn trên trụ điện tuyến từ tràn Trà Bu đến giáp QL 19 mới và tuyến vành đai từ Cây xăng Đệ Nhất giáp ĐT 640;*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Nước sạch và VSMT huyện tại Tờ trình số 177/TTr-BQLNS ngày 15/12/2022 và của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 930/TTr-TCKH ngày 21/12/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành:

+ Tên công trình: Xây dựng hoa đèn Led gắn trên trụ điện tuyến từ tràn Trà Bu đến giáp QL 19 mới và tuyến vành đai từ Cây xăng Đệ Nhất giáp ĐT 640.

+ Chủ đầu tư: Ban Quản lý Nước sạch và VSMT huyện;

+ Địa điểm xây dựng: Thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước;

+ Nguồn vốn: Ngân sách huyện Tuy Phước;

+ Thời gian khởi công - hoàn thành: 06/2022-08/2022; nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng: 08/2022.

**Điều 2. Kết quả đầu tư:**

**1. Chi phí đầu tư:**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị quyết toán được duyệt
<b>Tổng số</b>		<b>1.128.680.000</b>	<b>1.075.318.000</b>
1	Chi phí xây lắp	957.071.000	957.071.000
2	Quản lý dự án	27.765.000	27.765.000
3	Tư vấn	88.102.000	84.388.000
4	Chi phí khác	22.868.000	6.094.000
5	Chi phí dự phòng	32.874.000	0

## 2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
<b>Tổng số</b>		<b>1.128.680.000</b>	<b>1.075.318.000</b>	<b>800.000.000</b>	<b>275.318.000</b>	<b>-</b>
<b>1</b>	<b>Vốn đầu tư công</b>	<b>1.128.680.000</b>	<b>1.075.318.000</b>	<b>800.000.000</b>	<b>275.318.000</b>	<b>-</b>
1.1	Vốn ngân sách nhà nước	1.128.680.000	1.075.318.000	800.000.000	275.318.000	-
-	Vốn ngân sách trung ương					
-	Vốn ngân sách địa phương	1.128.680.000	1.075.318.000	800.000.000	275.318.000	-
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật					
<b>2</b>	<b>Vốn khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

## 3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị qui đổi	Giá trị thực tế	Giá trị qui đổi
<b>Tổng số</b>	<b>1.075.318.000</b>			
1. Tài sản dài hạn (TS cố định)	1.075.318.000			
2. Tài sản ngắn hạn				

**4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:** Không.

**5. Vật tư thiết bị tồn đọng:** Không

**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:**

**1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:**

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	<b>Tổng số</b>	<b>1.075.318.000</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn đầu tư công</b>	<b>1.075.318.000</b>	
1.1	Vốn ngân sách nhà nước	1.075.318.000	
-	Vốn ngân sách trung ương		
-	Vốn ngân sách địa phương	1.075.318.000	
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật		
<b>2</b>	<b>Vốn khác</b>		

- Tổng các khoản công nợ đến ngày 21/12/2022, trong đó:

+ Tổng nợ phải trả: 275.318.000 đồng.

*Trong đó:*

- Công ty TNHH XD TM DV Thịnh Phát (xây lắp): 157.071.000 đồng;

- Công ty TNHH TVTK & XD Trường Sinh (TVGS): 24.558.000 đồng;

- Công ty TNHH TV&XD TH Thành Nam (TV BCKTKT): 55.510.000 đồng;

- Công ty TNHH TVXD TM Phúc Nguyên (QLDA): 27.765.000 đồng;

- Công ty TNHH KT Thiên Kim (Thẩm tra thiết kế): 4.320.000 đồng;

- Phòng Tài chính- KH huyện (thẩm tra QT): 6.094.000 đồng.

**2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:** Được phép ghi tăng tài sản:

*Đơn vị tính: đồng*

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
1	2	3
Ban Quản lý Nước sạch và VSMT huyện	1.075.318.000	

**3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:** Căn cứ số liệu quyết toán được phê duyệt, các cơ quan đơn vị có liên quan thực hiện các nghiệp vụ cấp phát, thanh toán, hạch toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng dự án hoàn thành theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng ban Ban Quản lý Nước sạch và VSMT huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4 ;
- Lưu hồ sơ (3) ;
- Lưu : VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Xuân**